TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BÌNH MINH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/HNGĐ – ST
Ngày: 27 - 6 - 2024
"V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Minh Thiết**

- Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Tuấn Kiệt**

2. Ông **Bùi Văn Khanh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lý Ngọc Thuý Vy** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa: Không thuộc trường hợp tham gia phiên toà.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 371/2023/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 12 năm 2023 về việc ***"Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn"*** theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2024/QĐXX-HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33A/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 27 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **N***** T** M* Kiều**, sinh năm 19**- Xin vắng mặt

Nơi cư trú: ấp PĐ1, xã BHP, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh **N***** H**** Tuấn**, sinh năm 1994 - vắng mặt

Nơi cư trú: k5, p CV, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 12 năm 2023, chị N***** T** M* Kiều trình bày:* Vào năm 2019 tôi và anh N***** H**** Tuấn quen biết, tìm hiểu nhau sau đó lấy nhau có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Cái Vồn, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long số 45 ngày 27/8/2020. Quá trình chung sống, chúng tôi có 01 con chung tên N****** H**** T*** Vy, sinh ngày 22/9/20** hiện đang sống cùng anh Tuấn. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Không yêu cầu Toà án giải quyết. Do khó khăn về kinh tế nên vợ chồng tôi thường xuyên xung đột dẫn đến mâu thuẫn và bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay chị Kiều yêu cầu được ly hôn với anh N***** H**** Tuấn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên N****** H**** T*** Vy, sinh ngày 22/9/20** hiện do anh Tuấn quản lý nôi dưỡng. Chị Kiều đồng ý giao con chung cho anh N***** H**** Tuấn trực tiếp nuôi dưỡng và chị Kiều không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh N***** H**** Tuấn đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh đã thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Căn cứ vào khoản 2, Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án

không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa.

[2] Xét việc, chị N***** T** M* Kiều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh N***** H**** Tuấn được triệu tập hợp lệ tham dự phiên hòa giải, thông báo về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và ngày giờ xét xử đến lần thứ hai, nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Xét thấy, có thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng; Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt.

[3] Xét mối quan hệ gia đình giữa chị N***** T** M* Kiều với anh N***** H**** Tuấn có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị Kiều, anh Tuấn có nhiều mâu thuẫn như: Vợ chồng có khó khăn về kinh tế nên thường xuyên xung đột dẫn đến mâu thuẫn và bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày. Từ đó làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Tòa án đã mời hòa giải nhiều lần, nhằm giúp hai bên đoàn tụ và cho hai bên có thời gian hàn gắn tình cảm, nhưng anh, chị không trở về đoàn tụ được. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Kiều. Cho chị N***** T** M* Kiều được ly hôn với anh N***** H**** Tuấn.

[4] Về con chung: Chị N***** T** M* Kiều đồng ý tiếp tục cho anh N***** H**** Tuấn nuôi dưỡng con chung: N****** H**** T*** Vy, sinh ngày 22/9/2020, chị Kiều không cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy, việc giao con chung của chị Kiều là phù hợp với ý chí của anh Tuấn thể hiện trong bản khai ý kiến.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị N***** T** M* Kiều về việc tiếp tục cho anh N***** H**** Tuấn được quyền nuôi dưỡng con chung N****** H**** T*** Vy, sinh ngày 22/9/20**. Chị N***** T** M* Kiều chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Chị N***** T** M* Kiều có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom

để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

[5] Về tài sản chung: Chị Kiều không yêu cầu giải quyết. Anh Tuấn không có ý kiến phản bác, không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Kiều không yêu cầu giải quyết. Anh Tuấn không có ý kiến phản bác, không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị N***** T** M* Kiều phải chịu số tiền án phí là: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn; Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0012361, ngày 19/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, nên chị Kiều không phải nộp thêm.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; 228 và điểm a, khoản 1 Điều 238 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 51; 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N***** T** M* Kiều. Cho chị N***** T** M* Kiều được ly hôn với anh N***** H**** Tuấn.

2. Về con chung: Anh N***** H**** Tuấn được tiếp tục nuôi dưỡng con chung N****** H**** T*** Vy, sinh ngày 22/9/2020, chị Kiều chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị N***** T** M* Kiều có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung: Chị Kiều không yêu cầu giải quyết. Anh Tuấn không có ý kiến phản bác, không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Kiều không yêu cầu giải quyết. Anh Tuấn không có ý kiến phản bác, không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị N***** T** M* Kiều phải chịu số tiền án phí là: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn; Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0012361, ngày 19/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, nên chị Kiều không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, vắng mặt bị đơn anh N***** H**** Tuấn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TX Bình Minh;
- Chị cục THADS TX Bình Minh;
- UBND p CV, thị xã Bình Minh;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Minh Thiết